

**BẢN TIN TUẦN**

**“Kết quả quan trắc, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi  
Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp”**

**(Tuần 23: 06/12/2022 đến 12/12/2022)**

**I. Kết quả giám sát chất lượng nước tuần 23 từ ngày 06/12/2022 đến ngày 12/12/2022**

**1. Vị trí giám sát**

Thực hiện quan trắc chất lượng nước tại 23 vị trí khảo sát chất lượng nước theo đề cương được duyệt, bao gồm 10 vị trí trên trục chính sông Nhuệ cùng 13 vị trí là các kênh trục chính, kênh tiêu và các điểm xả ô nhiễm nghiêm trọng vào hệ thống. Mô tả tổng quan 23 vị trí quan trắc như sau:

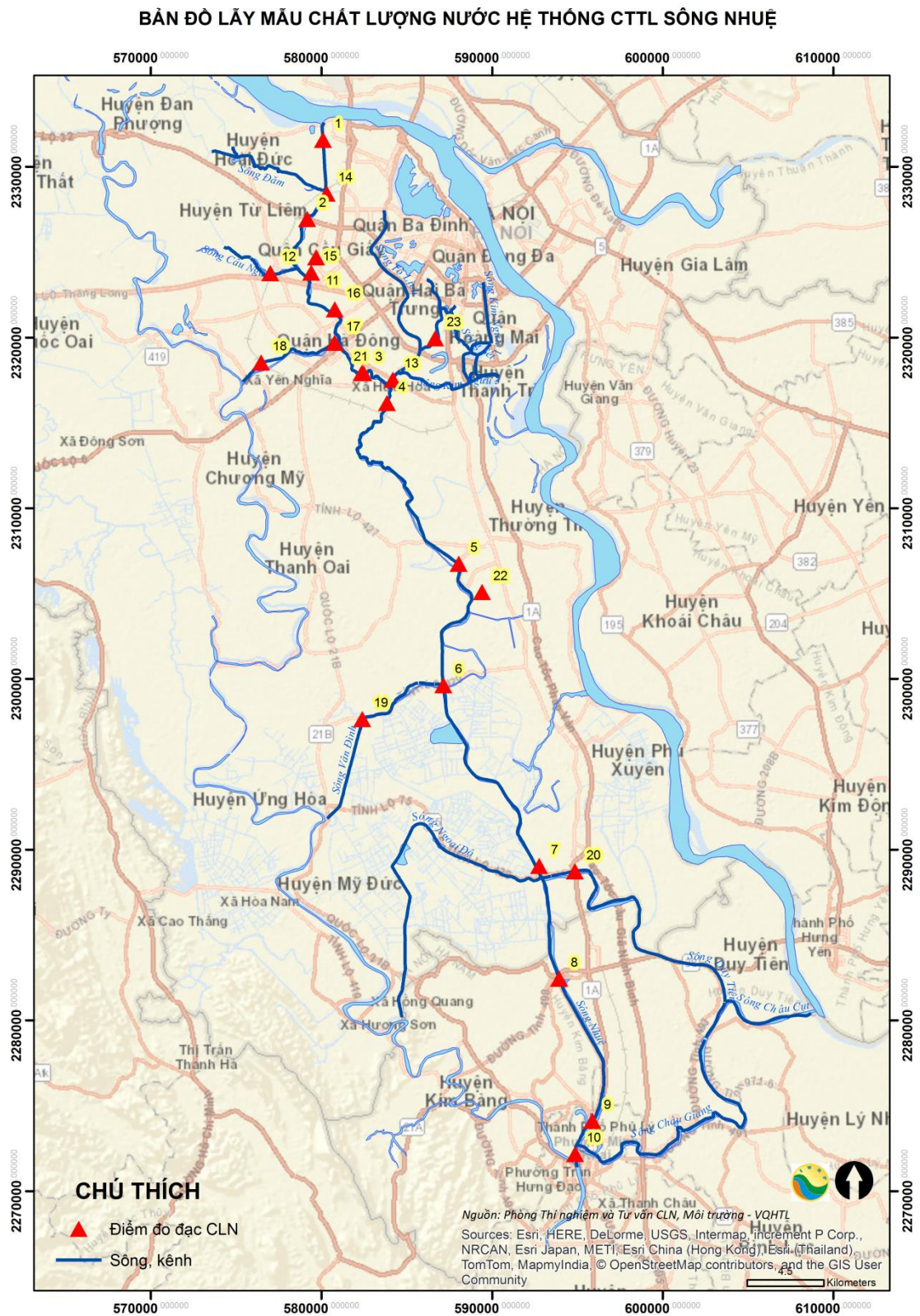
**Bảng 1: MÔ TẢ TỔNG QUAN 23 VỊ TRÍ QUAN TRẮC**

<b>TT</b>	<b>VỊ TRÍ LẤY MẪU</b>	<b>MÔ TẢ</b>
<b>I</b>	<b>Trục chính sông Nhuệ</b>	
1	Cống Liên Mạc	Là vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ, nằm ở quận Bắc Từ Liêm. Gồm 2 cống điều tiết Liên Mạc 1, và Liên Mạc 2. Cống Liên Mạc 1 thường mở thông, Liên Mạc 2 vận hành đóng mở theo mực nước ngoài sông Hồng để lấy nước vào trong hệ thống.
2	Cầu Diễn	Nằm trên trục chính sông Nhuệ, là điểm giao cắt của QL32 qua sông Nhuệ phân chia ranh giới 2 quận Nam Từ Liêm và Bắc Từ Liêm. Dòng chính sông Nhuệ tại vị trí này đã có sự nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La vào.
3	Đập Hà Đông	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập, nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc khu vực quận Hà Đông. Tại vị trí này dòng chính sông Nhuệ đã có sự nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.
4	Cầu Tó	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thanh Trì. Dòng chính sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.

5	Cầu Xém	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thường Tín. Dòng chính sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đô về tới cầu Xém.
6	Đập Đồng Quan	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu Đập thuộc địa phận huyện Phú Xuyên. Dòng chính sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.
7	Cầu Thần	Nằm trên trục chính sông Nhuệ, là điểm ngăn cách giữa 2 huyện Phú Xuyên và Ứng Hòa. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.
8	Đập Nhật Tựu	Vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập thuộc địa phận huyện Kim Bảng, Hà Nam.
9	Cống Lương Cồ	Nằm trên trục chính sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Kim Bảng, Hà Nam.
10	Cầu Phù Vân	Là điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.
<b>II Điểm ô nhiễm nghiêm trọng, kênh trục chính và kênh tiêu</b>		
11	Sông Đăm	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ thuộc địa phận quận Bắc Từ Liêm. Vị trí đo đạc nằm ở hạ lưu sông Đăm, trước khi nhập vào sông Nhuệ, tại vị trí này sẽ khống chế toàn bộ lượng nước thải từ các hoạt động nông nghiệp, sản xuất của khu vực huyện Đan Phượng và một phần quận Bắc Từ Liêm.
12	Sông Cầu Ngà	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ thuộc địa phận quận Nam Từ Liêm. Một phần diện tích tưới của huyện Hoài Đức lấy nước từ sông Cầu Ngà tuy nhiên hiện nay chất lượng nước sông bị ô nhiễm nặng nề, không đủ điều kiện cấp nước cho tưới.
13	Đập Thanh Liệt	Vị trí lấy mẫu nằm ở thượng lưu đập, khống chế toàn bộ nước thải từ nội thành Hà Nội qua sông Tô Lịch đổ vào sông Nhuệ. Những năm gần đây đập Thanh Liệt thường mở vào mùa mưa để tiêu nước từ nội thành ra sông Nhuệ, mùa khô đập Thanh Liệt thường đóng, nước sông Tô Lịch đưa về NMN Yên Sở để xử lý.
14	Kênh Xuân La	Vị trí lấy mẫu ở hạ lưu kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ thuộc địa phận quận Bắc Từ Liêm. Kênh Xuân La bị ô nhiễm nặng do tiếp nhận toàn bộ nước thải từ quận Tây Hồ, Bắc Từ Liêm và 1 phần quận Cầu Giấy.
15	Kênh Phú Đô	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình trước khi đổ ra sông Nhuệ.

16	Kênh tiêu Trung Văn	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, khống chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình trước khi đổ ra sông Nhuệ.
17	Cầu Am	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, khống chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.
18	Kênh La Khê	Vị trí đo đạc tại cầu La Khê trên kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn sau khi đã tiếp nhận nước thải sinh hoạt, nước thải nông nghiệp và nước thải một số làng nghề trong đó có nước thải dệt nhuộm từ làng nghề lụa Vạn Phúc.
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Là một nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy. Các huyện Thanh Oai, Ứng Hòa lấy nước từ kênh Vân Đình để tưới. Vị trí lấy mẫu tại cầu Bàu trên kênh Vân Đình chịu ảnh hưởng của nước thải làng nghề mây tre đan quanh khu vực.
20	Kênh Duy Tiên	Vị trí đo đạc tại cầu Giẽ trên kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.
21	Kênh Yên Xá	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ. Nước thải từ quận Thanh Xuân, một phần huyện Thanh Trì và các bệnh viện lớn như bệnh viện 103, Viện Bỏng Quốc Gia, Viện K Tân Triều đổ vào kênh Yên Xá.
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Là một nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.
23	Kênh Hòa Bình	Là một nhánh bên bờ tả sông Nhuệ thuộc địa phận huyện Thanh Trì. Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ, do kênh Hòa Bình chịu ảnh hưởng của chất lượng nước sông Tô Lịch và nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi của các khu dân cư xung quanh hai bên bờ kênh, đặc biệt là nước thải từ khu nghỉ trang Văn Điển.

Hình 1: BẢN ĐỒ LẤY MẪU CLN HỆ THỐNG CTTL SÔNG NHUỆ NĂM 2022



## 2. Thông tin lúc lấy mẫu

**Bảng 2: TỔNG HỢP THÔNG TIN QUAN TRẮC**

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
1	NM1	Cống Liên Mạc	Trời lạnh, nhiệt độ 16°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Nước màu xanh thẫm. Khu vực lấy mẫu đang tiến hành nạo vét ở hạ lưu cống Liên Mạc 2.	Dòng chảy rất chậm từ sông Hồng vào. Cống Liên Mạc 1 mở thông, cống Liên Mạc 2 mở 1 cửa.	Trong tuần 23 từ 06/12/2022 đến 12/12/2022 trong hệ thống thủy lợi sông Nhuệ không lấy nước để tưới; đang chuẩn bị vụ đông; một số diện tích trồng hoa màu sử dụng nước nội tại hoặc nước dưới đất tưới tại chỗ.
2	NM 2	Cầu Diễn	Trời lạnh, nhiệt độ 16°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió Bắc 9 km/h. Hai bên bờ sông có rác thải. Nước màu xanh đen.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình.	
3	NM 3	Đập Hà Đông	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 100%, gió Bắc 10 km/h. Hai bên bờ sông có nhiều rác thải. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Đập mở thông, dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình.	
4	NM 4	Cầu Tó	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió Bắc 11 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy rất chậm về hạ lưu. Mực nước thấp.	
5	NM 5	Cầu Xém	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió Bắc 10 km/h. Trên sông có nhiều rác thải. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp.	
6	NM 6	Đập Đồng Quan	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió Bắc 13 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm về hạ lưu. Đập mở thông, mực nước trung bình.	
7	NM 7	Cầu Thần	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió Bắc 12 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối, mực nước trung bình.	Dòng chảy rất chậm về hạ lưu.	
8	NM 8	Đập Nhật Tựu	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió Bắc 12 km/h. Nước màu đen, mùi hôi	Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở thông, tiêu nước về hạ lưu. Mực nước trung bình.	

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
			thối.		
9	NM 9	Cống Lương Cỏ	Trời lạnh, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió Bắc 11 km/h. Nước từ thượng lưu đang đầy về. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm về phía hạ lưu. Mực nước trung bình. Trên sông có nhiều bè rau muống.	
10	NM 10	Cầu Phù Vân	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió Bắc 10 km/h. Nước màu nâu đục.	Dòng chảy nhanh. Mực nước trung bình. Nước chảy từ thượng lưu về và nước tiêu từ sông Châu Giang ra qua cống Phủ Lý.	
11	NM 11	Sông Đăm	Trời lạnh, nhiệt độ 16°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Nước màu nâu đục.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Ngoài sông Nhuệ nước chảy chậm về hạ lưu.	
12	NM 12	Sông Cầu Ngà	Trời lạnh, nhiệt độ 16°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Mực nước thấp.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Nước màu đen, mùi hôi.	
13	NM 13	Đập Thanh Liệt	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió Bắc 11 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Đập đóng, không có dòng chảy, mực nước trung bình.	
14	NM 14	Kênh Xuân La	Trời lạnh, nhiệt độ 16°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Nước màu vàng đen.	Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ, mực nước thấp.	
15	NM 15	Kênh Phú Đô	Trời lạnh, nhiệt độ 16°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Nước màu xám đen, mùi hôi thối.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cống mở, trạm bơm không hoạt động. Mực nước thấp.	
16	NM 16	Kênh tiêu Trung Văn	Trời lạnh, nhiệt độ 16°C, độ ẩm 79%, mật độ mây 100%, gió Bắc 8 km/h. Nước màu xám đen.	Dòng chảy rất chậm ra sông Nhuệ, trạm bơm không hoạt động. Cống mở hé tiêu nước ra sông Nhuệ.	
17	NM 17	Cầu Am	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 100%, gió Bắc 11 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối. Khu vực lấy mẫu	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước trung bình.	

STT	Ký hiệu	Tên	Đặc điểm lấy mẫu	Vận hành công trình	Tình hình sản xuất
			đang tiến hành giải tỏa kè tiếp đoạn hạ lưu.		
18	NM 18	Kênh La Khê	Trời lạnh, nhiệt độ 16°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 100%, gió Bắc 7 km/h. Nước màu đen, mùi hôi thối.	Nước đứng, không có dòng chảy. Mực nước trung bình.	
19	NM 19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 81%, mật độ mây 100%, gió Bắc 13 km/h. Nước màu nâu đục.	Nước đứng, không có dòng chảy, mực nước thấp. Hai bên kênh có nhiều rác thải.	
20	NM 20	Kênh Duy Tiên	Trời lạnh, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 75%, mật độ mây 100%, gió Bắc 12 km/h. Nước màu đen.	Dòng chảy chậm từ sông Nhuệ vào. Mực nước thấp. Nước từ sông Nhuệ chảy vào kênh Duy Tiên.	
21	NM 21	Kênh Yên Xá	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 100%, gió Bắc 10 km/h. Nước màu xám đen, nổi bọt.	Dòng chảy chậm, cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Mực nước thấp.	
22	NM 22	Sông Tô Lịch tại Khánh Hà	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 76%, mật độ mây 100%, gió Bắc 10 km/h. Nước màu xanh lục.	Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình, trên kênh có nhiều bèo và rác thải.	
23	NM 23	Kênh Hòa Bình	Trời lạnh, nhiệt độ 17°C, độ ẩm 77%, mật độ mây 100%, gió Bắc 11 km/h. Nước màu xanh lục.	Không có dòng chảy, cống đóng, mực nước trung bình. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông Nhuệ.	

### 3. Kết quả đo đạc

### 4. Kết quả chỉ số chất lượng nước (WQI)

## II. Dự báo chất lượng nước tuần 23 từ ngày 06/12/2022 đến ngày 12/12/2022

### 1. Diễn biến thủy văn và lịch sản xuất trong tuần

Tình hình mưa tuần vừa qua từ 23/11/2022 đến 30/11/2022 và dự báo tuần tới từ ngày 02/12/2022 đến 08/12/2022:

+ Khu vực Trung du và Đồng Bằng Bắc Bộ tuần vừa qua đa số các trạm có mưa, đến mưa rất to. Một số trạm có mưa lớn hơn như: Văn Lý 189mm, Nam Định 132mm, Ninh Bình 65mm. Dự báo tuần tới vùng Trung du và Đồng bằng Bắc bộ các trạm có mưa đến mưa nhỏ, lượng mưa dao động từ 2-14mm.

+ Lượng mưa lũy tích từ tháng VI/2022 đến nay: Khu vực Trung du và Đồng bằng Bắc bộ, đa số các tỉnh có lượng mưa cao hơn TBNN từ 1-56%, Một vài tỉnh có lượng mưa thấp hơn so với TBNN từ 1-11% như: Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Bắc Giang, Hải Dương.

**Bảng 3: DỰ BÁO LƯỢNG MƯA MỘT SỐ TRẠM VÙNG NGHIÊN CỨU**

TT	Trạm	Tỉnh	Sông	Lượng mưa tuần trước (mm)	Lượng mưa lũy tích từ tháng VI/2022 (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo lượng mưa từ 02/12 đến 08/12/2022 (mm)
						TBNN	2021	2020	
1	Sơn Tây	Hà Nội	Hồng	7,0	1727	+27	-1	+37	9,2
2	Láng	Hà Nội	Hồng	9,6	1513	+19	-6	+31	13,7
3	Phủ Lý	Hà Nam	Đáy	48,7	1956	+37	+14	+57	13,7

Tuần tới dự báo mực nước trung bình tại các công trình lấy nước dọc sông chính đều có xu thế giảm; riêng TB Trung Hà 2 có xu thế tăng so với tuần trước.

**Bảng 4: NGUỒN NƯỚC TẠI CÔNG, TRẠM BƠM VÙNG NGHIÊN CỨU**

TT	Tên công trình	Mực nước thiết kế (m)		MNTĐ trung bình tuần trước (m)	Mực nước dự báo tuần tới: (m)			Đánh giá
		Min	Thiết kế		Trung bình	Max	Min	
1	TB Trung Hà 2	7,0	7,5	4,9	6,8	7,1	6,2	Tăng
2	TB Phù Sa	3,0	5,2	1,8	1,2	2,0	0,9	Giảm
3	TB Đan Hoài	1,1		1,2	0,9	1,7	0,5	Giảm
4	TB Hồng Vân	0,2	1,0	1,1	1,0	1,6	0,5	Giảm
5	TB Thụy Phú	0,5	1,0	0,9	0,8	1,5	0,3	Giảm
6	TB DC Phù Sa	1,0	2,0	1,8	1,2	2,0	0,9	Giảm
7	Công Cẩm Đình	3,0		1,6	1,2	2,0	0,9	Giảm
8	Công Liên Mạc	1,0	3,8	1,1	0,8	1,5	0,4	Giảm

## 2. Dự báo tình hình chất lượng nước trong tuần

Kết quả dự báo cho thấy:

**Bảng 5: SỐ LIỆU DỰ BÁO CLN TUẦN 23 NĂM 2022 HTCTTL SÔNG NHUỆ**

Vị trí	Thực đo	DO							B1-QCVN 08-2015	Đánh giá
		Tuần dự báo								
		06/12	07/12	08/12	09/12	10/12	11/12	12/12		
Công Liên Mạc		0.97	1.02	1.07	1.11	1.15	1.18	1.22	4	



Cầu Diễn		1.52	1.52	1.53	1.53	1.53	1.53	1.53	4	
Đập Hà Đông		0.81	0.81	0.81	0.81	0.81	0.81	0.81	4	
Cầu Tó		0.49	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	0.50	4	
Cầu Xém		0.36	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49	4	
Đập Đồng Quan		2.00	0.51	0.49	0.51	0.56	0.58	0.58	4	
Cầu Thần		0.78	0.80	0.52	0.40	0.40	0.40	0.39	4	
Đập Nhật Tựu		3.00	2.08	2.06	2.05	2.04	2.03	2.03	4	
Cống Lương Cổ		2.00	1.60	1.60	1.60	1.60	1.60	1.60	4	
Cầu Phù Vân		2.00	2.02	2.02	2.02	2.02	2.02	2.02	4	
Sông Đăm		2.16	2.16	2.16	2.16	2.16	2.16	2.16	4	
Sông Cầu Ngà		0.71	0.71	0.71	0.71	0.71	0.71	0.71	4	
Đập Thanh Liệt		0.37	0.37	0.37	0.37	0.37	0.37	0.37	4	
Kênh Xuân La		0.39	0.39	0.39	0.39	0.39	0.39	0.39	4	
Kênh Phú Đô		0.47	0.47	0.47	0.47	0.47	0.47	0.47	4	
Kênh Trung Văn		0.61	0.61	0.61	0.61	0.61	0.61	0.61	4	
Cầu Am		0.41	0.41	0.41	0.41	0.41	0.41	0.41	4	
Kênh La Khê		0.37	0.37	0.37	0.37	0.37	0.37	0.37	4	
Kênh Vân Đình		5.26	5.26	5.26	5.26	5.26	5.26	5.26	4	
Kênh Duy Tiên		5.21	5.21	5.21	5.21	5.21	5.21	5.21	4	
Kênh Yên Xá		0.71	0.71	0.71	0.71	0.71	0.71	0.71	4	
Sông Tô Lịch		4.61	4.61	4.61	4.61	4.61	4.61	4.61	4	
Kênh Hòa Bình		4.15	4.15	4.15	4.15	4.15	4.15	4.15	4	
<b>BOD<sub>5</sub></b>									<b>B1- QCVN 08- 2015</b>	<b>Đánh giá</b>
<b>Vị trí</b>	<b>Thực đo</b>	<b>Tuần dự báo</b>								
		<b>06/12</b>	<b>07/12</b>	<b>08/12</b>	<b>09/12</b>	<b>10/12</b>	<b>11/12</b>	<b>12/12</b>		
Cống Liên Mạc		47.41	47.74	48.05	48.34	48.60	48.84	49.06	15	
Cầu Diễn		45.10	44.95	44.94	44.95	44.95	44.95	44.95	15	
Đập Hà Đông		54.78	54.72	54.70	54.71	54.71	54.71	54.71	15	
Cầu Tó		59.10	59.10	59.08	59.08	59.08	59.08	59.08	15	
Cầu Xém		60.71	59.20	59.18	59.17	59.17	59.18	59.18	15	
Cầu Thần		59.66	59.07	59.16	58.90	58.15	57.97	57.99	15	
Đập Đồng Quan		55.25	55.53	59.16	60.58	60.50	60.55	60.64	15	
Đập Nhật Tựu		37.84	38.11	38.37	38.53	38.63	38.69	38.73	15	
Cống Lương Cổ		44.49	44.47	44.45	44.45	44.44	44.44	44.44	15	
Cầu Phù Vân		34.42	41.34	41.33	41.32	41.32	41.32	41.31	15	
Sông Đăm		36.50	36.50	36.50	36.50	36.50	36.50	36.50	15	
Sông Cầu Ngà		58.60	58.60	58.60	58.60	58.60	58.60	58.60	15	
Đập Thanh Liệt		60.80	60.80	60.80	60.80	60.80	60.80	60.80	15	
Kênh Xuân La		61.30	61.30	61.30	61.30	61.30	61.30	61.30	15	
Kênh Phú Đô		55.80	55.80	55.80	55.80	55.80	55.80	55.80	15	
Kênh Trung Văn		49.70	49.70	49.70	49.70	49.70	49.70	49.70	15	
Cầu Am		60.70	60.70	60.70	60.70	60.70	60.70	60.70	15	

Kênh La Khê		65.90	65.90	65.90	65.90	65.90	65.90	65.90	<b>15</b>	
Kênh Vân Đình		24.70	24.70	24.70	24.70	24.70	24.70	24.70	<b>15</b>	
Kênh Duy Tiên		28.50	28.50	28.50	28.50	28.50	28.50	28.50	<b>15</b>	
Kênh Yên Xá		56.90	56.90	56.90	56.90	56.90	56.90	56.90	<b>15</b>	
Sông Tô Lịch		26.80	26.80	26.80	26.80	26.80	26.80	26.80	<b>15</b>	
Kênh Hòa Bình		34.50	34.50	34.50	34.50	34.50	34.50	34.50	<b>15</b>	
<b>NH<sub>4</sub><sup>+</sup></b>									<b>B1- QCVN 08- 2015</b>	<b>Đánh giá</b>
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								
		06/12	07/12	08/12	09/12	10/12	11/12	12/12		
Cống Liên Mạc		5.27	5.42	5.56	5.69	5.81	5.91	6.01	<b>0.9</b>	
Cầu Diễn		4.74	4.71	4.70	4.70	4.70	4.70	4.70	<b>0.9</b>	
Đập Hà Đông		7.41	7.40	7.39	7.39	7.39	7.39	7.39	<b>0.9</b>	
Cầu Tó		8.69	8.69	8.68	8.68	8.68	8.68	8.68	<b>0.9</b>	
Cầu Xém		8.99	8.69	8.69	8.68	8.68	8.68	8.68	<b>0.9</b>	
Đập Đồng Quan		8.12	8.71	8.71	8.70	8.53	8.48	8.48	<b>0.9</b>	
Cầu Thần		7.70	7.59	8.32	8.69	8.69	8.70	8.73	<b>0.9</b>	
Đập Nhật Tựu		1.61	1.70	1.78	1.83	1.86	1.88	1.89	<b>0.9</b>	
Cống Lương Cỏ		3.68	3.67	3.67	3.67	3.66	3.66	3.66	<b>0.9</b>	
Cầu Phù Vân		3.64	3.28	3.27	3.27	3.27	3.27	3.27	<b>0.9</b>	
Sông Đầm		2.47	2.47	2.47	2.47	2.47	2.47	2.47	<b>0.9</b>	
Sông Cầu Ngà		12.90	12.90	12.90	12.90	12.90	12.90	12.90	<b>0.9</b>	
Đập Thanh Liệt		8.76	8.76	8.76	8.76	8.76	8.76	8.76	<b>0.9</b>	
Kênh Xuân La		6.15	6.15	6.15	6.15	6.15	6.15	6.15	<b>0.9</b>	
Kênh Phú Đô		11.70	11.70	11.70	11.70	11.70	11.70	11.70	<b>0.9</b>	
Kênh Trung Vãn		13.70	13.70	13.70	13.70	13.70	13.70	13.70	<b>0.9</b>	
Cầu Am		15.90	15.90	15.90	15.90	15.90	15.90	15.90	<b>0.9</b>	
Kênh La Khê		10.60	10.60	10.60	10.60	10.60	10.60	10.60	<b>0.9</b>	
Kênh Vân Đình		1.09	1.09	1.09	1.09	1.09	1.09	1.09	<b>0.9</b>	
Kênh Duy Tiên		1.81	1.81	1.81	1.81	1.81	1.81	1.81	<b>0.9</b>	
Kênh Yên Xá		18.70	18.70	18.70	18.70	18.70	18.70	18.70	<b>0.9</b>	
Sông Tô Lịch		0.79	0.79	0.79	0.79	0.79	0.79	0.79	<b>0.9</b>	
Kênh Hòa Bình		2.15	2.15	2.15	2.15	2.15	2.15	2.15	<b>0.9</b>	

<b>NO<sub>3</sub><sup>-</sup></b>									<b>B1- QCVN 08- 2015</b>	<b>Đánh giá</b>
Vị trí	Thực đo	Tuần dự báo								
		06/12	07/12	08/12	09/12	10/12	11/12	12/12		
Cống Liên Mạc		3.43	3.27	3.12	2.98	2.86	2.74	2.63	<b>10</b>	

Cầu Diễn		5.88	5.90	5.91	5.91	5.91	5.91	5.91	<b>10</b>	
Đập Hà Đông		3.35	3.36	3.37	3.37	3.37	3.37	3.37	<b>10</b>	
Cầu Tó		2.39	2.39	2.40	2.40	2.40	2.40	2.40	<b>10</b>	
Cầu Xém		1.90	2.40	2.39	2.37	2.36	2.36	2.36	<b>10</b>	
Đập Đồng Quan		1.18	2.11	2.22	2.35	2.44	2.47	2.49	<b>10</b>	
Cầu Thần		3.26	2.67	2.08	1.87	1.78	1.70	1.64	<b>10</b>	
Đập Nhật Tựu		9.73	9.58	9.49	9.44	9.40	9.38	9.37	<b>10</b>	
Cống Lương Cổ		7.35	7.35	7.36	7.36	7.36	7.36	7.36	<b>10</b>	
Cầu Phù Vân		4.21	7.18	7.18	7.19	7.19	7.19	7.19	<b>10</b>	
Sông Đăm		8.15	8.15	8.15	8.15	8.15	8.15	8.15	<b>10</b>	
Sông Cầu Ngà		4.76	4.76	4.76	4.76	4.76	4.76	4.76	<b>10</b>	
Đập Thanh Liệt		1.59	1.59	1.59	1.59	1.59	1.59	1.59	<b>10</b>	
Kênh Xuân La		1.62	1.62	1.62	1.62	1.62	1.62	1.62	<b>10</b>	
Kênh Phú Đô		2.57	2.57	2.57	2.57	2.57	2.57	2.57	<b>10</b>	
Kênh Trung Văn		1.06	1.06	1.06	1.06	1.06	1.06	1.06	<b>10</b>	
Cầu Am		6.15	6.15	6.15	6.15	6.15	6.15	6.15	<b>10</b>	
Kênh La Khê		3.71	3.71	3.71	3.71	3.71	3.71	3.71	<b>10</b>	
Kênh Vân Đình		0.57	0.57	0.57	0.57	0.57	0.57	0.57	<b>10</b>	
Kênh Duy Tiên		0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	0.35	<b>10</b>	
Kênh Yên Xá		12.60	12.60	12.60	12.60	12.60	12.60	12.60	<b>10</b>	
Sông Tô Lịch		12.50	12.50	12.50	12.50	12.50	12.50	12.50	<b>10</b>	
Kênh Hòa Bình		17.60	17.60	17.60	17.60	17.60	17.60	17.60	<b>10</b>	

### **III. Các đề xuất, kiến nghị**

#### **1. Nhận xét**

Trong tuần 23 năm 2022 CLN trong HTCTTL Sông Nhuệ có xu thế tăng ô nhiễm do mực nước tại cống Liên Mạc giảm gây khó khăn cho việc lấy nước và trên lưu vực không có mưa.

#### **2. Dự báo chung**

Chất lượng nước trong hệ thống CTTL Sông Nhuệ có xu thế tăng ô nhiễm so với tuần trước.

#### **3. Đề xuất**

Tận dụng chênh lệch mực nước mở cống Liên Mạc tận dụng lấy nước vào. Căn cứ vào biên độ thời gian triều để vận hành đóng mở đập Nhật Tựu tận dụng lấy nước vào cho đoạn hạ lưu./.

***Nơi nhận:***

- Tổng cục Thủy lợi;
- Viện kỹ thuật TNN;
- Cty TNHH MTV ĐTPT Thủy lợi Sông Nhuệ;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Hà Nam;
- Lưu Phòng TN&TV QL CLN,MT.

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**